

TRITÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

MỤC LỤC

- * Một đạo dụ, một chế độ Nguyễn-tường-Phượng
- * Mấy lời tha thiết Nam-Hải cư sĩ
- * Tùy hứng Lãng Ngâm-Tử
- * Việt nam văn học sử (VII) Nguyễn văn Tố
- * Nhớ lại một buổi hội đàm với cụ Hoa-Bằng
- Dương - bá - Trạc
- * Khất thực ca Cách-Chi
- * Nguyễn-tri-Phượng (1500-1873) (I) Tiên-Đàm
- * Những truyện về vang trong sử Đại-Việt (II) Nguyễn-văn-Tố
- * Tài liệu dinh chính văn cổ (LXXXV) Ung-Hòe
- * An-tư (tiểu-thuyết, XXIX) Nguyễn-huy-Tướng

0\$70



MỘT ĐẠO DỤ, MỘT CHẾ ĐỘ

Ngày 17 tháng Ba dương-lịch, đức Bảo-đại Hoàng-đế xuống dụ có ba điều đáng chú ý

1) Chế độ chính trị căn cứ vào khẩu hiệu *Dân vi quý* ;

2) Trong chính giới sẽ chiêu tập nhân tài đích đáng để chính đến nền tảng quốc gia ;

3) Tái định và tuyển bổ các cơ quan chính trị để ban hành những phương-pháp hợp với nguyện-vọng của quốc dân.

Ba điều ban bố trên đáng ghi vào lịch-sử xứ này, thật là trên thuận lòng giới, dưới đẹp lòng dân quốc dân rất trông mong ở sự thi hành triệt để khác nào như đói mong ăn và khát mong uống vậy.

Vì-sao ?

Vì nước lấy dân làm gốc, tinh thần một dân tộc rất có quan hệ mật thiết đến sự tồn tại của quốc gia, nếu căn cứ vào lịch-sử, lòng dân về ai người ấy được, sách nho có câu : « Thiên thời địa lợi nhân thời » (1), cũng có ý ấy

Năm Mậu-Tý, niên hiệu Trưng-Hang thứ 4 (4288), nhà Trần sở dĩ phá quân Mông cổ trên sông Bạch-đăng, đem lại giang-sơn là vì Trần quốc Tuấn trước khi chống giặc đã bồi ý kiến các bề lão đến họp ở điện Dền-tông.

Lại khoảng năm Mậu-Ấn (1418), Bình định vương Lê Lợi, mười năm khổ nhục, gây dựng được nghiệp đế, là nhờ lòng dân ủng hộ người vì dân trừ kẻ lung lặn.

Người dân xứ này qua nhiều giai đoạn trong lịch sử thật đã dày công xây dựng quốc gia đáng lẽ được « quý » được « thương » mới phải, trái lại, cách đây không bao xa, trong thời pháp thuộc, họ đã bị đè nén dưới một cái chính sách hà hiếp làm tiêu ma cả tinh thần của dân tộc.

Các nguyên nhân trước tiên là bởi họ bị coi thường, nói xa đây, người bình dân Việt-nam chỉ cần cày cấy-làm ăn, hai sương một nắng, ở đồng, ở ruộng, thế mà cơm, không đủ ăn, áo không đủ mặc thì còn đâu mà nghĩ đến nước nữa.

Gia chi dĩ, những người mệnh danh là « phụ mẫu-của dân » phần đông thiếu lương-tâm chỉ mong vơ vét dầy tôi tham không đáy, nào có nghĩ gì đến khai dân trí, họ còn mong cho dân ngu để dễ làm những việc tùy sở thích của họ.

Trong đạo dụ vì vậy có nói đến cả việc chiêu tập nhân tài.

Ở nước ta, sự kén chọn nhân tài, thời xưa cũng như gần đây, đều căn cứ vào khoa cử, bằng cấp, nhưng chúng tôi tưởng như thế chưa hẳn đã là phương pháp hoàn toàn, vì người tài cần phải có đức, nữa mới cảm hóa được dân mà người đủ tài đủ đức mới đáng gọi là nhân tài chân-chính.

Vả, những gương sáng đời trước hầu như đã xóa-nhòa trong lòng những người có trách-nhiệm trách dân thời việc lựa chọn tướng nên chú trọng vào cả tài lẫn đức.

Nếu một khi nhà nước dùng được người tài, đức vẹn hai ra gánh vác, đảm đương những trọng trách, lại thêm vào đây cái chính sách « thân-dân », thế tất đến « dân nguyện » thời nền tảng quốc-gia xứ này có thể phục hưng.

Được như vậy, đạo dụ ngày 17 tháng ba đáng ghi vào trang đầu lịch sử của nước Việt-Nam độc lập.

NGUYỄN-TUẦN-PHƯƠNG

(1) Giời nghe nơi dân nghe, giời trông nơi dân trông

MÂY LỜI THA THIẾT

Ngò cũng những người đã làm giầu
một cách phi nghĩa

NAM-HẢI cư sĩ

Dưới chế độ bóc lột, giam cầm của bọn thực dân Pháp, các ngài đã dùng những thủ đoạn phi nghĩa để trở nên giầu có, lại còn sang cả là đảng khác.

Những thủ đoạn phi nghĩa chẳng hạn như: bán máu đồng bào, cù loan lỗ địch, tham nhũng dân đen, đầu cơ thóc gạo, vân vân.

Các ngài nên hiểu: Không có công nào không có thưởng, mà không có tội nào không có phạt.

Các ngài đã có tội đối với dân với nước, các ngài đừng tưởng rằng rồi đây không có sự trừng phạt xứng đáng, mà các ngài cứ được an nhiên hưởng cái của phi nghĩa mãi mãi. Kìa biết bao nhiêu tòa án sẵn sàng để xử những tội đó: tòa án lương tâm, tòa án dư luận, tòa án của một chính phủ độc lập, tòa án của giới, và một thứ tòa án đáng ghê sợ nhất là thứ tòa án của những kẻ đã bị ay các ngài, sẽ tự mình đặt ra.

Hiện giờ tuy các ngài còn ở ngoài vòng của một đời tòa án

kể trên này, các ngài chờ vội lấy làm mừng.

Nhưng... — Ở đời việc gì cũng có một chữ « nhưng »... — Nhưng

đã làm mà cái ác vi thiện, cái tà quy chính.

Nếu các ngài hoặc sợ tòa án của quốc dân, hoặc sợ tòa án của thiên lý, hoặc là sợ tòa án của lương tâm, mà tự lòng muốn chuộc tội, thì ngu này xin hiến các ngài một kế mọn như sau này:

Hiện giờ dân ta đang lâm vào nạn đói kém, lẽ chết năm đầy đường, ai ai cũng được mắt thấy rõ ràng, cảnh trê thảm không sao kể xiết. Các ngài nên nhân dịp này bỏ ra năm mươi phần trăm cái số của phi nghĩa mà các ngài đã cơ vớt được dưới chính thể Pháp, hoặc bằng thóc gạo, hoặc bằng tiền tài, đem sung vào công quỹ cứu đói.

Những điều ác mà trước kia các ngài đã phạm, cũng nhiều khi vì tình thế bất buộc, quyền lực cưỡng bức, thì nay có thể chuộc lại được bằng sự cứu sống một số đồng bào sắp sửa chết đói.

(Xem tiếp trang 20)

西宮夜靜百花香
欲捲珠簾春恨長
斜抱雲和深見月
朦朧樹色隱朝陽

Tây-cung xuân oán

Tây cung dạ tĩnh bách hoa hương
Dục quuyền châu liêm xuân hận trường
Tả bào vân hòa thâm kiến nguyệt
Mông lung thụ sắc ẩn Chiêu-dương

VƯƠNG-XUONG LINH

Xuân Tây-cung

Đêm thanh, hoa nở đầy cung
Rèm châu muốn cuốn, nầu nung xuân

lòng

Luồn mây, vầng nguyệt chênh chênh
Lờ mờ xa lẫn bóng cảnh Chiêu-dương.

LÃNG-NGÂM-TỬ

theo nghĩa hiểu của giới, từ nghìn xưa đến giờ vẫn có lẽ chuộc tội, để cho những người có tội cơ dịp chuộc tội lỗi của mình

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 7

Ung-học . NGUYỄN-VAN-TÔ

Trang 69 quyển *Việt - Nam văn - học sử* - yếu Ông Dương Quảng Hàm viết một câu rằng: « Bấy giờ (hồi đức Nguyễn - Anh còn xưng vương) trong nước loạn lạc, việc học việc thi chữ nhỏ khoảng - phẩy đã lâu ». Câu ấy nhắc, vì mỗi khi có những cuộc chiến - biến, thì phần nhiều chỉ rối - loạn ở Kinh - đô và các tỉnh - thành, trong nước vẫn học - hành làm - ăn như thường. Và lại, không có sách - vở nào chép là « việc học, việc thi khoảng - phẩy đã lâu ». Mà hồi đức Nguyễn - Anh xưng vương, từ năm 1780 đến năm 1801 ở Bắc - kỳ hãy còn ba khoa thi tiến sĩ, là khoa 1781, 1785 - 1787 và một khoa thi chế - khoa năm 1787 (xem *Đăng - khoa lục* q. 3, tờ 67 b đến 68 b). Từ năm 1789 nhà Lê mất, Tây - sơn nổi lên, thì hiện những sách vở còn lại, không thấy chép rõ đời Tây - sơn có mở khoa thi hay không (vì triều Nguyễn cho Tây - sơn là ngụy triều, nên sách vở phần nhiều đốt). Nhưng cứ xem như bộ *Đại - Việt sử - ký tiền biên*, khắc trong đời Tây - sơn, trong tựa có nói « Nguyên bản thất lạc, biên tập các di thư ở các sử - gia, làm ra bộ này, giao Bắc - thành học - đường ấn - hành », thì biết Tây - sơn không phải không lưu tâm đến sự học. Dưới bài tựa ấy có đề niên - hiệu Cảnh - thịnh thứ tám (1800) mà hiện những sách còn lại đều xóa hai chữ cảnh - thịnh: một quyển sử không đính - đính

gì đến chính - trị mà còn thế, huống chi là những sách nói đến chính - trị Tây - sơn thì còn sao được? Và lại, sau khi nhà Lê mất, văn - thần của nhà Lê theo Tây - sơn cũng nhiều, như Ngô - thi - Nhậm, Phan - huy - Ích, Nguyễn - thế - Lịch, Nguyễn Nha (đều đỗ tam giáp tiến - sĩ khoa 1775) Nguyễn - Du (đỗ ni - giáp khoa 1785 không phải tác - giả truyện *Kiều*), Nguyễn - bá - Lan (đỗ ám - giáp khoa 1785), Nguyễn bá Lâm đỗ chế - khoa năm 1787), Vũ huy - Tấn, Đoàn - sĩ - Tuấn (xem *Đại - Nam liệt - truyện sơ - tập*, q. 39, tờ 28 b)... Trong các ông ấy có Ngô - thi - Nhậm, Phan - huy - Ích nổi tiếng văn - chương sang lặn Tào, di - bút hãy còn truyền lại đến giờ (xem *Ngô gia văn - phái*),

Ở Trung, Nam - kỳ Chúa Nguyễn Ánh cũng có mở khoa thi vào năm 1791 và năm 1795 (xem *Đại Nam liệt truyện sơ tập*, q. 5, tờ 7 b, dòng 6 và q. 19, tờ 7 a, dòng 7, tờ 7 b, dòng 7). Lại còn một lẽ nữa, là các sử sách chỉ chép những khoa thi tiến - sĩ và chế - khoa, còn những khoa thi hương thì sinh - đồ thì không rõ, chỉ thấy trong tiểu - truyện các bậc văn - thần có những câu: « Đặng - đức - Siêu, ... niên thập lục, lĩnh hương - tiến », nghĩa là: « Đặng - đức - Siêu, ... mười sáu tuổi, đỗ thi hương » (*Đại - Nam liệt truyện sơ tập*, q. 10, tờ 30 a) và « Đặng - trần - Thước, ... Lê mất sinh - đồ » nghĩa là « Đặng - trần - Thước, ... đỗ sinh - đồ đời cuối Lê » (*Đại - Nam liệt truyện*

sơ tập, q. 27, tờ 15 a), chứ không chép rõ thi hương năm nào, đỗ sinh - đồ năm nào. Cho nên không thể biết hồi ấy có mấy khoa thi. Dù thế nào cũng không nói được rằng: « Việc học, việc thi khoảng - phẩy đã lâu ».

Ông Hàm lại nói: « Văn các tướng tá quân - nhân cũng ít người biết chữ, nên phải dùng tiếng nôm cho tiện » (tr. 69). Câu ấy cũng không đúng, vì cứ xem như đạo dụ của đức Nguyễn - Anh mà Ông Hàm in lại ở trang 72, 73 và 74 trong quyển *Việt - Nam văn học sử - yếu*, thì chính người giỏi chữ nho mới làm nổi bài ấy, mà người thông chữ nho mới xem nổi văn ấy, thế thì không thể nói rằng « ít người biết chữ, nên phải dùng nôm ».

Còn như tương tá của đức Nguyễn Ánh, thì xem trong bộ *Đại - Nam liệt truyện, sơ tập*, có đến hàng trăm người học giỏi, văn hay, không thể kể hết ra đây; chỉ chép những ông có đặc - sắc trong đời đức Nguyễn - Anh: Ông Hàm cũng có chép sáu người có danh tiếng, nhưng lại chép thiếu (như thế thì trái với câu « ... ít người biết chữ... » của Ông nói ở tr. 69) nên tôi chép thêm một ít nữa, để thêm tài - liệu vào sử văn học nước nhà.

Đặng - đức - Siêu đỗ hương - cống, dạy học trò, giúp chúa Nguyễn, có làm bộ *Thiên - nam thế - hệ* (*Đại - Nam liệt truyện sơ tập*, q. 10, tờ 3 a đến 3 b: Ông Hàm chép ở tr. 309, nhưng chép

thiếu). — Lê-quang-Định di sử Tàu biên luận hiệu nước, có dâng bộ *Đại-Việt nhất-thông địa-dịch* (Đ. n. l. tr. q. 11, từ 1 a đến 3 b; ông Hàm chép ở tr. 345, nhưng cũng thiếu). — Trình-hoài Đức dâng đầu văn-ban đời Gia-long có dâng hai bộ *Lịch-dại kỷ-nguyên* và *Không-tế lục* và có bộ *Gia-dịnh-thành-thống-chí*, *Cẩn-trại thi tập*, *Bắc sử thi-tập*, *Trịnh-hoài Đức*, Lê-quang-Định và Ngô-nhân-Tĩnh là bà nhà có tiếng giỏi thơ ở Gia-dịnh, nên có tập thơ đề là *Gia-dịnh tam-gia thi-tập* (Đ. n. l. tr. q. 11 từ 3 b đến 12 a; ông Hàm, chép ở tr. 345 nhưng bỏ sót tên sách). — Ngô-nhân-Tĩnh văn-học yêm-bác, có thơ xướng họa in trong tập *Gia-dịnh tam-gia thi-tập* (Đ. n. l. tr. q. 11, từ 12 a đến 13 b; xem sách ông Hàm, tr. 345). — Vũ-Trình, đỗ hương cống, dạy học-trò, có bộ *Sử-Yên thi-tập*, *Cung-oán thi-tập*, *Kiến-văn-lục* (Đ. n. l. tr. q. 20 từ 12 a đến 15 a; xem sách ông Hàm, tr. 341). — Nguyễn-Duy, tác giả truyện *Thủy-Kiều*, có bộ *Bắc-hành thi-tập* bằng chữ Hán (Đ. n. l. tr. q. 20, từ 8 a đến 9 b).

Trần-hưng Đạt cùng em là Trần-hưng Đức ăn vào Nam dạy học-trò, năm 1802 vua Gia-long mới lên ngôi, Đạt và Siêu bàn lễ tế văn, dời mới chế-lắc (Đ. N. l. tr. q. 5, từ 3 b đến 5 b).

Phạm-dăng-Hưng, con là Đăng-Long, nổi tiếng văn-học, ở ăn dạy học-trò Hưng đồ tam-trưởng khoa binh-lính (1796) bỏ phủ-lễ-sinh sung công-sĩ-viện (Đ. N. l. tr. q. 5, từ 7 a đến 14 a).

Ngô-tùng-Chu, học-hành thuần-chính, làm chức-nhi đồng-cung, tử-tiết ở thành Bình-dịnh năm 1801 (Đ. N. l. tr. q. 5, từ 18 a đến 27 a).

Nguyễn-văn-Nhân, xuất thân đội-trưởng, sau khi vua Gia-long đại-định, Nhân có dâng 14 điều, trong có việc lập hương học, định cách thi (Đ. N. l. tr. q. 7, từ 1 a đến 10 a).

Nguyễn-thái-Nguyên, giám khảo khoa binh-lính (1796) học Phạm-tăng-Hưng đồ, đời-khôn là tri-nhân (Đ. N. l. tr. q. 9, từ 1 a đến 4 a).

Nguyễn-Đỗ đồ hương-cống, sau làm đến phụ-đạo trư-cung (Đ. N. l. tr. q. 9, từ 4 b đến 5 b).

Nguyễn-bảo-Trí vốn người học-tập, có dạy học-trò, Phạm-dăng-Hưng là học-trò Trí Trí tiến cử (Đ. N. l. tr. q. 10, từ 1 a đến 2 b).

Phạm-như-Đăng, sung bản-lâm đời chúa Nguyễn, có đều-trần 12 v. ết, trong có việc hội khoa thi lấy học-trò (Đ. N. l. tr. q. 10 từ 10 a đến 14 a).

Hoàng-ngọc-Uẩn, văn học quân-tập, sung việc bản-lâm (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 1 a đến 2 a).

Lê bá-Phẩm, rộng xem văn sử, bỏ thi-học quốc-tử-giám (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 2 a đến 4 a).

Nguyễn-dịnh-Đức người văn học tài lễ-bề-phủ lễ-sinh, sung công-sĩ-viện (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 4 a đến 5 a).

Nguyễn-dăng-Hưng, sơ hồ-Gai-cơ vua Gia-long thân học-lực, giỏi cái bỏ bản-lâm (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 5 a đến 6 b).

Nguyễn-tường-Vân, nội-trưởng trúng-cách khoa binh-thị (1796) bỏ phủ-lễ-sinh, thăng thi-thư-viện, vua Gia-long khen Văn đủ tài chính-sự văn-học (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 6 b đến 9 a).

Nguyễn-đức-Huyền, người văn học, bỏ thi-thư-viện năm 1796 (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 9 a đến 10 b).

Nguyễn-tăng-Địch, lúc nhỏ dẫn quân làm Cai-an, khoa 1791 trúng-thi trúng-cách, bỏ viện công-sĩ (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 10 b đến 11 a).

Nguyễn-Đoãn-Thống gia-thế thi-thư, Thống nhung thi vua Gia-long đồ sách (Đ. N. l. tr. q. 12, từ 11 a đến b).

Nguyễn-xuân-Thục có văn học, gặp loạn, tòng quân, theo Vũ-theo, sau làm đến thượng-thư sung đề-dầu trưởng thừa-thiêu năm 1825 và làm chủ khảo thi hội năm 1826 (Đ. n. l. tr. q. 13 b đến 15 a).

Trần-công-Hiến, là người học-trò, mộ nghĩa-binh, dự 460 môn-sách, đi theo chúa Nguyễn, sau làm đến trấn-thủ Hải-dương ngoài tại phủ v. ết quan có soạn bài *Đại-Việt thủy lục trình lý*, và *Hải-dương phong-vật lý*, lại mua r. ồng những bản *Chu-lâm cương mục* *Liệu-Phạm cương giám*, sai đồ-học tự-giáo và lương-công b. ủa-lại, gọi là *Lịch đại sử toản-yếu*, và chọn những văn-chế từ-trường đời cổ Lê, cho khắc in để công truyền (Đ. n. l. tr. q. 16 từ 18 a đến 22 b).

Nguyễn-dạy-Hàn, Đỗ-thành-Lâm và Ngô-đức-Tuấn đến có tiếng văn học, vào Gia-dịnh theo chúa Nguyễn được bỏ bản-lâm (Đ. n. l. tr. q. 18 từ 10 b).

Bạch-doãn-Trìu, đồ hương-cống khoa 1784, sau làm đến thượng-thư, văn-chương (bỏ truyền-tập ngày nay (Đ. n. l. tr. q. 19, từ 2 a đến 3 a).

(Xem tiếp trang 13)

NHỚ LẠI MỘT BUỔI HỘI - ĐÀM VỚI CỤ

Dương Bá-Trạc

HOA-BÀNG

Hôm ấy là ngày 25 tháng mười 1935, tại nhà ở Đông Tây, tôi gặp cụ Dương Bá-Trạc, người vạm-võ, đầy-dã, mặt đỏ, nước da ngăm ngăm, mắt tinh-lag, vẻ người hùng-nghị, diện mạo trong chiếc áo trắng dài không tì.

Cụ chuyện ngẫu nhiên trong một buổi hội-dàm-thoại ở ấy tuy chỉ là những ý-kiến trao đổi một cách ứng-đáp, nhưng thấy có nhiều điều đáng ghi, nên thuật lại ra đây để kỷ-niệm một bậc đàn-ang trong văn-học giới mới mất ở hải ngoại.

— Tôn giáo nào cũng hay cả, cụ Dương nói, sau khi vịn xô đểu ông để hút thuốc lá. Rồi cụ lại lảng-lai tiếp:

— Sở dĩ có tệ, là chỉ tại những người theo tôn giáo sau đây làm sai-lạc đi thôi! Các đạo chỉ khác nhau, cái giáo-lý, chứ tinh thần thì giống nhau cả.

— Phải, tôi đáp, nếu đã là tôn giáo chính-chính thì không có đạo lý thì nhau hết. Có lẽ ở trên Thiên-đàng bây giờ, các vị Giáo-chủ đương bắt tay nhau đây!

— Không có tôn giáo thì đồng hết!

— Nhưng xin cụ nên phân-biệt tín-ngưỡng (foi religieuse) với mê-tin (superstition).

— Hai cái cũng không phân-biệt cho lắm. Đã tin quá cái gì rồi cũng thành mê. Một người đã tin ngưỡng, tin ngưỡng cho đến rõ chân-thực thì cũng hóa ra mê tín. Mà có mê mới được việc chứ; chẳng tôi không mê ông cử, cái ông nghề, thì cũng chẳng học nho dẫu.

Tôi nhích một nụ cười rồi nói:

— Nhưng mê tín có hại, cụ ạ!

— Chẳng hại gì cả! Có hai chẳng là chỉ hại vì những kẻ lợi dụng cái mê tín của người khác. Nhảy đồng, nhảy bóng, cũng thôi! Vì họ còn biết làm thiện, không dám ăn đồ làm ác, thật họ tốt hơn những kẻ miệng nói không có tôn giáo thì mới vô-sở-kỵ-đạn; chẳng kiêng điều ác nào mà không dám làm! Đồng bóng không có tội mà! Không có hại mà! Chỉ những đứa lợi dụng đồng-bóng thì thật có tội, có hại!

— Cụ bảo những người mê tín đồng-bóng làm thiện chứ? Tôi thấy nhiều kẻ họ đi chùa, cầu nhau vào ăn cháo! Họ còn thắp, xán, xi-lam!

— Ồ, từ cụ Thích Ca, còn ở đời là lảng-trần, xán, xi? Đã là loài người thì thắp, xán, xi thôi!

Bấy giờ tôi muốn xoay qua mệnh đề khác, liền hỏi:

— Theo ý cụ, thì đạo Không có phải là một tôn giáo không?

— Không! cụ Dương quả quyết. Nhưng cái tinh-thần « vô ngã » của cụ Không thì cũng thành tôn giáo rồi.

— Cụ theo Không-giáo, thế cụ đã « vô ngã » chưa?

Nghiêm nội mại, cụ Dương lớn tiếng:

— Tôi dẫu đã được vào bậc « vô ngã »!

— Ngã cụ đã vô ngã? Tôi sẽ « mượn » cái áo của cụ, vì tôi đương thiếu mặc đây!

Nhổn miệng, chúng tôi cùng cười...

Bỗng theo khi nóng một ngày cuối thu, nhiệt độ của chuyện của chúng tôi bấy giờ có lẽ đã lên cao lắm. Tiếng cụ Dương rầm-rầm, tỏ ra một sự gọi đã có tuổi, nhưng vẫn khỏe-mạnh, hăng hái, vui chuyện.

Chúng tôi lại nhảy sang vấn đề Nho, Thích.

Tôi hỏi trước:

— Cụ đã là một nhà theo Không, sao lại còn theo Phật? Nếu theo cho thật đúng Không, thì không bao giờ điều-hòa với Phật được. Vì

một cái « vị trí sinh, yên trí tâm » (1) của Không đủ khác với Phật rồi !

Cụ Dương đáp :

— Không cũng như Phật, Phật cũng như Không, xưa nay Nho Thích vẫn hợp nhất.

— Không ! Hai đấng, nếu cứ theo cho thật đúng, khác nhau lắm.

Tôi đứng phắt dậy, làm tư thế (geste) một người đi, rồi tiếp :

— Đạo Không như một người đi đường, nhưng ngó xung quanh mình. Còn đạo Phật thì như người đi đường nhưng ngó lại ngó về đằng sau. Vậy cụ bảo hợp nhất thế nào được ?

— Phật chú trọng hiện tại lắm chứ ? Có phải ngó về đằng sau đâu !

Tôi tiếp :

— Vậy xin hỏi : Văn-hóa Ấn-độ có phải là do tinh thần đạo Phật mà ra không ? Chính văn hóa ấy như người đi đường, chỉ chăm ngó về đằng sau !

— Văn hóa Ấn-độ chưa chắc đã là do đạo Phật mà gây ra cả.

Nhân thấy trên bàn trước mặt cụ Dương có ấm nước chè và bộ đồ trà, tôi liền nhớ đến ông Nhan-tử khi xưa ở lầu hang, uống nước lá, bèn hỏi :

— Nếu theo cho đúng chân tướng phải thế, thì cụ phải ở lầu hang như Nhan-tử kia, chứ ra làm báo, làm nhà in làm chi nữa ?

— O' lầu hang, cụ Dương mạnh mẽ nói, chỉ là nói về tinh thần, chứ đã làm việc thì còn quản việc gì mà chẳng làm ?

— Kia tôi vừa trở bộ đồ trà vừa nói, cụ uống nước chè làm chi ?

Sao không cứ uống nước lá, ở lầu hang, thì mới là Nhan-tử chứ ?

— Gặp nước chè thì uống nước chè, gặp nước lá thì uống nước lá, nếu cứ một mực uống nước lá cả, cũng là gàn !

—

Tôi đã toan đi, song thấy cụ Dương còn dương vbi-vẻ thích nói, nên tôi lại ngồi rón một chút xoay qua mệnh-dề khác.

— Thưa cụ tôi hỏi, cứ bình tĩnh mà nói, thì Nho giáo có còn thích-hợp với trình-độ và hoàn cảnh của xã hội ta nay không ?

— Thích-hợp lắm chứ cụ Dương đồng đặc mạnh bạo đáp. Đời đời, kiếp kiếp, không khi nào bỏ Nho giáo được. Nếu bỏ Nho giáo thì chết ngay ! Nho giáo không những thích-hợp với xã hội ta đây, mà lại thích-hợp với cả xã-hội Âu-tây nữa. Rồi xem, Âu-tây rồi cũng phải quay đến Nho-giáo mới xong !

Thấy cụ Dương có cái tư tưởng như Cồ-Hồng-Minh bèn Tâu, tôi lại càng khích thuyết :

— Ở đời, nếu thấy mình còn thua kém, còn thiếu thốn, thì mới phải học người, thay đổi của người. Nếu mình đầy-dủ thích-hợp cho mình rồi, thì cần chi nữa ? Ngay như cụ đây, đã theo Nho, lại còn phải theo Phật, đủ tỏ ra rằng Nho giáo đủ cho cụ dùng. Xin thế duy một ao Nho, một ao Phật. Bây giờ ao Nho cạn nước, còn ao Phật vẫn đầy, bèn chảy ọc

nước sang bên ao Nho. Đó là ao Nho có cạn, nước ao Phật mới tràn vào được ; nếu nó đầy ắp, nước bên còn chảy được vào ?

— Thế là ông lấy kết quả mà bàn việc ; lấy tỉ ảnh bại mà luận anh hùng ! Chẳng khác nào cũng một Nã-phá luân, khi quảng trận thì được ông khen là anh hùng, khi phân giặc ở Bả Liên thì bị ông kêu là một tên tù ! Ông nên biết rõ rằng, Nho có ở trong về hệt - a, Phật chủ-tiọng về trong lại, nhưng tinh thần hai đấng cũng vẫn là một.

Nhân được kể hởi của cụ Dương, tôi cười khàch khàch :

— Ô ! Phật chú-trọng về tương lai ? Ấy thế thì vừa nãy tôi nói nhà Phật ngó lại đằng sau là phải lắm chứ ? Tôi biết rằng đạo N o bị người ta lợi dụng đã lâu, đạo Nho ngày nay không phải là đạo Nho thuần túy. Vậy cụ có thể khôi-phục cho nó đúng đượ bản tướng của nó không ?

Cụ Dương bèn vỗ tay vỗ trán nhá mà nói :

— Cái nhĩa này tuy rất nát đây thật, nhưng tôi phất đi thì lấy gì mà ở ?

Tuế rồi cụ Dương cất giọng t an văn :

— Người mình có được một cái rồi là gia-dình rõ rã - lự. Vậy mà nay người ta còn chạy phá đi nốt thì còn gì nữa ? Trong một nhà ông, nếu người có trật tự, thì người khác cũng có trật tự, thì người khác cũng có trật tự. (Xem tiếp trang 20)

(1) Chưa biết chuyện sống đã kể đây được đến chuyện chết.

KHÁT THU C CÀ

Yêu cầu các em trong Ban Chấp Hành, để hát trong khi đi làm việc bốn phần.

Bọn Pháp lặc, tònhr lang đạ sói
Vớ của lạ, đẫy tú chắt bao,
Bắt dánh ta phải đản lượ,
Lo sáu, lo lhuê, lo bảo nể i bề !
Cũng còn chưa nơ nể cho chớ,
Nhân chừ trồn, v n cớ vệt thêm :
Bạc phệ i l óo lượ mùa chừm,
Thu o o kỳ hết, lảng tiếm khắp nơi
Gạo rón nưc lự thời thiếu bữa.
Tấm nuôi bô, lay sữa chùng xoi ;
Lại còn còn chày xè hơi,
Cả c ợ i g 4 đy rả rơng hươt th ếng ngày !
Đủ Bắc vốn a a n ỹ phong phú,
Nhờ giới cho, óc đủ nơ dân,
Còn thừa x ất cặng xa gần,
Hàng nă n ỹng ợp ợc phần lớn lao,
Từ tranh chiến ph ần vào Đông-A,
Đường xuất dương cáo ngả không
thống ;
Đáng ra thoc lúa đầy đồng,
Đàn ăn thừa lủi nơ lợg ợ hỏe th ần
Thế mà đến mười phần dôi ching ?
Người có tiền, bữa nhin, bữa ăn ?
Kể nghèo, — ợu chưởi, r ẻ cần,

Năm thì một n.êng đở dần g.ã n.à ?
 Chồng bỏ vợ, hết cơ đ.ũn-b.ọc ;
 Mẹ bỏ con nằm khóc gốc cây ?
 Từ quê đến t.h.ợ, đó đây,
 Lũ năm lũ bảy, từ g.gi.ây từng đàn !
 Trông như hề muốn ngàn t.h.à chết
 Bỏ ăn-cùng, kéo hết lên trần ;
 Manh buồm chẳng đủ ch.ê : ăn !
 Anh em ta đó ! đó đây Lạc H.ồ n.à !
 Rồi đến lúc nơi cùng sức kiệt,
 Lăn bên đường, nằm chết qu.ấp co !
 Qua đ.ò g. p.ừ đến x.ứn s.ơ,
 Mà người chết đ.oi có d.ư t.ị.ệu rồi !
 Rồi đây lấy đâu người b.ắ.ng cu.ốc đ.ư
 Ru.ợng, bỏ h.ồ đ.ợ đ.ư t.h.ốc ta ăn ?
 Lấy đâu người d.ề x.ung q.ũn,
 Giữ g.ũn đ.ất n.ước, cho dân ăn làm ?
 Vì đâu k.ê, thiếu cơm, th.iếu cháo ?
 Vì đâu g.ười, không đ.ò không q.ũn ?
 C.ảm thay t.gi.ặc Ph.áp b.ất nhân !
 Th.ương thay ! dân Vi.ệt quá th.ần trâu
 b.ò
 K.ẻ t.h.ỏ chết, mà h.ồ th.ương hại
 Ta là người, sao lại bỏ ta ?
 X.ẻ cơm, chia cháo, mới là !
 M.ãi đây t.ổ đ.iền L. sơn h.à n.ước Nam.

CACH-CHI

NGUYỄN TRI PHƯƠNG

(1800 - 1873)

Gần thành phố Hà-nội, có gò Đống Đa. Trên gò có một ngôi đền nhỏ, cách 20 năm trước gọi là đền Trung-liệt thờ 3 vị liệt sĩ: Nguyễn-tri-Phượng, Hoàng-Diệu và Đoàn-Thọ. Về sau không biết kẻ nào vô ý thức đã dám dùng gạch tu đền rồi cái gọi là « Đền Trang Lương ».

Năm 1920 tôi có dịp cùng các bạn trẻ lên gò Đống Đa còn thấy trên vách đá bài thơ sau đây.

Núi Thái, lòng hồng đỏ với nhau,
Một nền chính-khi lơ mưa gió,
Nợ với giang sơn đành phải trả,
Lòng trung chỉ có lòng trung biết.

Nước đau nhoe quân đến thần đau,
Ba khối hùng-lâm trời bể dầu,
Người mà sà-hủy kẻ vào đầu!
Đỗ Phủ ngày xưa khóc Vũ Hầu.

Tương truyền bài này của ông Phan-văn-Ái, người làng Đông-Huất, (Độc-viễn), đỗ Phó bảng, làm tham biện nha Kinh-lược. Bài thơ ấy đã lọt được hết tinh thần của ba liệt sĩ ở nước mà lừa mình. Nay chép lên đây để biểu dương lòng trung nghĩa người xưa tức như phảng phất còn thấy chút anh hồn.

Về tiểu sử ông Hoàng-Diệu ông Khaê-Trưật viết đã đăng Tri-Tả số 181 nay xin lược đăng hành trạng ông Nguyễn-tri-Phượng cũng là liệt sĩ chết theo thành Hà nội.

T. Đ.

Nguyễn-tri-Phượng, tên cũ là Nguyễn-văn-Chương, tự Hàm-trình hiệu Đường-xuyên; là con một nhà làm ruộng ông Nguyễn-văn-Đặng và bà Nguyễn-thị-Thề, người làng Chi-long, tổng Chánh-lộc, huyện Phong-diễn tỉnh Thừa-thiên. Ông sinh năm Canh-thân (1800) tại bản quán làng Chi-long, lúc nhỏ tính khí khác thường, ít nói mà hiếu học; cha mẹ đón thầy cho học tập.

Đến năm 18 tuổi (1) là năm Minh-mệnh nguyên niên (1820), vì nhà thanh bạch không đủ lực theo học cử nghiệp, phải xin vào làm thư-lại, ở bộ Hộ. Một ngày, vào yết-kiến quan thượng-thư bộ ấy là Nguyễn-đăng-Tuân, quan thượng thấy ông ít tuổi mà dung mạo khôi ngô, nói năng chững-địch, lấy làm khen lắm, mới truyền

cởi áo để ông xem tướng. Xem xong, ông bảo rằng: « Ta xem tướng nhiều người đến-thua tướng con ta (con giai quan thượng đây là Nguyễn-đăng-Giai sau làm kinh-lược Bắc-kỳ tức cụ thượng Giai) nhưng xem thấy trạng mạo và cốt cách hơn con ta nhiều lắm. » Từ đây quan thượng Hộ rất thương yêu bắt ở hầu đê-giúp việc tính toán về binh dinh và điện tịch; lại thấy ông viết chữ rất tốt, sai viết cả các phiến, sổ ở Bộ.

Ở Hộ bộ được ba năm, quan thượng thấy ông thông minh khác thường làm việc mẫn cáo, húng dạ lại khẳng-khái, trong bụng lại diễn ít ai bì kịp, mới làm sổ dâng lên đức Minh-Mệnh xin trọng dụng. Vua Minh-mệnh truyền dẫn vào triều kiến, vua thấy khen rằng: « Người này dung mạo hơn người, thật rõ không phụ nhờ tiến cử

của thầy thượng Hộ » rồi truyền đem lấy mức sai ông làm một tờ sổ, sổ xong dâng lên, vua khen rằng: « Dù bậc đại-khoa cũng không hơn được »

Năm Minh-mệnh thứ tư (1823), được bổ làm biên-tu ở Nội-các. Năm Minh-mệnh thứ tám (1827), thăng thị-độc, năm Minh-mệnh thứ 10 (1829), thăng thị-giảng học sĩ, tham biện Nội-các và năm thứ 12 (1831), thăng Hồng-lô tự khanh.

Đức Minh-mệnh rất tin cậy, sai ông qua Lữ-lộng mua hàng, rồi phải giá khí cao, các-quan ngự-sử đàn-hặc, tâu xin giáng ông xuống viên-ngoại bộ Hộ. Năm Minh-mệnh thứ 14 (1833), lại được phục hàm Hồng-lô tự khanh lĩnh tham biện Nội các.

(1) Gia phả nói 18, nhưng tính đến Minh-mệnh nguyên niên thì là 20 tuổi.

Năm thứ 15 (1834), được thực hành thi-lang nhưng xảy ở Nội-các.

Một ngày kia, vua Minh-mệnh xuống các, dạy rằng: « Đạo khâm-sai Gia-dinh bấy lâu nay không nghe đánh dẹp (2) thế nào cả, vậy khải bẩm vào đó xem xét tình hình ra sao, rồi sở về cho ta hay ». Ông vào Gia-dinh, chày sở về xin ở lại cho quân thứ đồ hiệp đồng dẹp gác, vua Minh-mệnh ban khen.

Đến ngày làm thành, ông xin quan Tiết chế quân vụ đại thần đem binh đi tiến đạo, một mình lên thành trước, quân binh theo sau, đánh phá, mở cửa thành cho quân của Triều đình kéo vào. Về đến kinh, chạy sở về bẩm tâu Minh-mệnh dẹp lòng kinh phải với Triều đình rằng: « Nguyễn Văn Chương tuy làm quan văn, mà biết việc binh sự. Nhân tiến sĩ tốt đánh thành, đã mạnh lại có mưu, vậy ông nên làm tham tri và ban cho một cái ngọc-bội ».

Năm Minh-mệnh thứ 18 (1837), vua sai ông vào tra xét trong nội vụ, ông không xét kỹ vua Minh-mệnh quở trách sai, thượng thư bộ Hộ là Hà-dung-Phúc cùng các ông ngự sử xét lại. Bấy giờ ông Nguyễn-văn-Chương xin miễn chức, sang tây được bổ (sai-tri) ở lại, phát mệnh lệnh, lấy ngày mục đi, quan thượng Hộ nói: « Nguyễn Văn Chương (vãi) này ngày trước ông quan Lễ-lưu mua về, học ở nhiều năm, nay lại xin phát mệnh lệnh là chẳng khỏi điều quan ngại ».

Ông Nguyễn-văn-Chương to tiếng cãi lại rằng: « Đó là lỗi viên chủ-thủ bất cần, nên sinh ra hoen ố, nay các ông trở lại hỏi tội! Sự sống, chết, học, phải cũng còn có lệnh Thiên-tử; các ông hiệp-hiệp thì làm gì được tội! » Quan thượng Hộ tức giận, làm sở tham dâng lên vua Minh-mệnh phán rằng: « Làm bầy tôi nhỏ mà lớn tiếng, mung bầy tôi lớn thì đáng cách chức và giao cho bộ Hình định tội ». Ông xin và thỉnh tội; vua phán hỏi: « Như việc nhà người làm đáng tội gì? » Ông quỳ xuống đất lạy xin tội chết. Bộ Hình xét xong tự lên, chiếu theo luật, tội mạng đại thần, thì phải bỏ tù; đức Minh-mệnh phán rằng: « Tôi thấy xét ra siêng năng và có công lao, ta tha tội từ chối nó, chỉ giáng xuống làm thứ lại ở Nội-vụ ».

Đến mùa đông năm ấy, lại cho khai phục nhà chái sự sống chức lang trung-lưu hộ lý trong Nội-vụ.

Năm Minh-mệnh thứ 19 (1838), thăng tể-lang bộ Lễ sung Nội-các, hai chỗ ấy lương lương nhĩ phẩm.

Năm Minh-mệnh thứ 21 (1840), bà vào tuần phủ và nhà Nghia (Quảng-nam Quảng nghĩa). Khi vào bãi mạng, vua phán rằng: « Trong kinh Quảng-nam có cửa bể Đà-nẵng nên đặt thêm đồn lũy và nhà trí sông để phòng kẻ ngoại xâm vào đó; phải quan-lâm lo việc ấy trước ».

Vào dịp này ông xuống ngay Đà-nẵng, khám xét hình thế,

dâng sở lâu rằng: « Đà-nẵng quả là cửa bể sung-vếu, nên đặt súng để phòng kẻ xâm, rồi về bản đồ làm thêm bao nhiêu đồn, bao nhiêu nơi trí súng, cuộc chú rõ-ràng dâng về vua xem, đức Minh-mệnh đều y theo hết.

Xong việc, được triệu về Kinh thăng tham tri bộ Công.

Năm Thiệu-trị nguyên niên (1841), được bổ tòng đốc Hà-an. Lúc ấy giặc nổi lên ở Ba-xuyên tỉnh An-giang, quan tòng đốc Trương-văn-Phong thua, tẩu ở Sóc-trăng. Ông vào bãi mạng ra đi, vua Thiệu-Trị dụ rằng: « Khanh là người ngay thẳng, siêng năng, một trăm sai đi là mười để khánh lập công ở chỗ ấy, khanh nên báo công cho trăm ».

Nhân giới đang lúc nóng nực, nhà vua cho ông được nghỉ, vài ba hôm rồi đi. Vào đến An-giang, ông gặp cùng chức ông về là Nguyễn lượng. Nhân đem binh lên gác. Binh phân làm 3 đạo, đánh Trà-tâm và Sóc-trăng. Giặc cư không nổi, bỏ chạy, để lại lương thảo, bị quân Triều-dinh tiêu hủy hết.

Sở dâng về, vua Thiệu-trị phán với đình thần rằng: « Nguyễn-văn-Chương thăng trận, thật không phụ huân trăm biết người mà dùng. » Rồi thưởng một cái quần công bạc nhất. Lúc ấy trông tin Hà-tiên có giặc, quan tỉnh chạy vào xin cầu viện, ông sai Nguyễn lượng-Nhân đem quân đi đường bộ, còn mình sai

2. và Lê-uân-Khối, đưa loan, lấy thành, Phiên-an.

thần dẫn quân theo sông Vĩnh-tế kéo thẳng đến Tượng-sơn phá giặc. Dẹp xong, ông lại cùng Tân-lý là Tôn-thất Nghị đánh Sóc-trăng, thừa lúc đêm, cướp trại giặc ở Lạc-sách, được toàn thắng.

Dâng sớ về, vua Thiệu-Trị ban khen và ban cho một đồng tiền vàng. Một ngày ngự triều đưa Thiệu-Trị hỏi về việc giặc ở Trấn-tây. Ông Trương dâng. Quở tâu rằng: « Nguyễn-văn-Chương, thanh thế to lắm, đánh hơn 20 trận đều thắng luôn, lấy đồn giặc hơn 10 chỗ. cướp lương thảo cấp cho dân, lại chia quân làm 4 mặt cũng đánh nên giặc thua chạy hết, chỗ Lạc-hóa (?) nay đã trở nên yên ổn. » Vua phật: « Nguyễn-văn-Chương prung mệnh ra dẹp giặc, càng đánh càng thắng; lập được nhiều công lao », ban cho một bài thơ để vỹ lao. Lại gia thăng tòng-dốc Vĩnh-long, Vĩnh-tướng, ban cho một cái bài bằng ngọc, một cái bài vàng, một đồng tiền vàng.

Năm sau, giặc ở Lạc-hóa lại cùng người Xiêm vào đánh phá. Quan tỉnh Hà-tiên, Gá-dinh chạy sớ xin thêm súng cùng quân cứu-viện để chống giặc.

Ông Nguyễn-văn-Chương dâng sớ, xin cho đem binh thuyền đến tiếp ứng vua ban khen.

Năm Thiệu-trị thứ 2 (1842) giặc tan, bắt được tướng giặc là Nặc-ông. Ông Nguyễn-văn-Chương được ban một cái quả phàm bằng vàng và một cái đồng hồ.

Năm Thiệu-trị thứ tư (1844), bỏ vào làm tòng đốc An-giang,

ông dâng sớ xin vào lấy Trấn-tây; đức Thiệu-Trị xem sớ phê rằng: « Việc gì làm cũng phải suy đi xét lại cho kỹ, không nên gấp ».

Năm Thiệu-trị thứ 6 (1846), nhậm quân Xiêm thiết kế bắt cóc viên thuộc lại ở Tây-ninh thị-trường là Nguyễn bá-Hồ, giam giữ trong quân lại phao tin có hoả thì mới tha. Quan tỉnh là Cao-bửu Dực làm sớ về triều.

Ông Nguyễn-văn-Chương không nghe, làm sớ dâng lên xin khởi binh đi đánh rồi thừa thắng kéo thẳng đến Nam vang, quân giặc tan vỡ.

Nhân có công to ấy, được thăng thự hiệp-bộ-nhơn đại-học-sĩ, sung khâm-sai quân thủ đại-thần, ban cho quân công bậc nhất, một chiếc vòng ngọc, một đồng tiền và một cái kim-khánh.

Đức Thiệu-Trị xét việc Trấn-tây, dụ các quan rằng: « Nguyễn-văn-Chương là người rất có胆 lược, mỗi khi giáp trận, đạn bắn như mưa, các tướng xin cất lòng xuống vì sợ giặc thấy mà hãi, ông ta lại quả rằng: Nếu sợ thì làm tướng làm gì nên chế thêm cho ta 2 cái lòng nữa; vì thế, bụng quả bằng đá, chỉ một trận mà tan gạc. »

Năm Thiệu-trị thứ 7 (1847), luận công, ban cho ông một cái vòng ngọc, 1 mặt kim tiền, một cái bài vàng có khắc: « An-tây tri đứng tướng », chức danh tướng sĩ, về An-giang nghỉ ngơi. Tháng năm, đức Thiệu-Trị có chỉ triệu ông về kinh và sai 1 viên Nội-các, 1 viên thị-

vệ ra tận An-hòa mà nghênh tiếp các tướng có công đi chinh Tây khổ nhọc.

Lũ ông vào bộ kiến, vua sai vời lên điện, thưởng cho 1 áo gấm thượng hạng, 1 cái quạt ngự có bài thơ rằng:

*Giải y quốc sủng biên, cương
định,
Tứ phiến hoàng phong hồn
vũ huân.
Thâm niệm tuyên lao hà dĩ
đáp?
Đan thư vạn tải kỷ nguyên
huân.*

Lược dịch:

*Và yêu ban áo, cởi bờ yên,
Quạt rộng huân-ôn khắp mọi
miền.
Nghĩ biết lấy chi đền khổ nhọc?
Chí công thể độ muôn
niên.*

(Bản dịch của Hoa Bằng)

Hôm sau vua ngự triều ở điện Cần-chánh tước tước ông lên điện, chính tay rót ban cho 1 chén ngự tửu và dụ ông: « Khâm-sai đại thần là Nguyễn văn Chương ra gánh vác ở c ổ khốn-ngoại, vô yên bên cạnh, phục được nước ra đánh dẹp được Trấn-tây, thật là có tài gánh nặng ruổi xa. Nay ban cho 1 chén ngọc và 1 con lạc đà bằng vàng để ghi công. »

Lại phê cho ông lĩnh Công-bộ thương thư sung Cơ mật-viện đại-thần.

Năm sau, xét cổ g lại từ trước Trấn-lệ-bá à ban cho bà ngọc ở khắc bốn chữ « Huân kỳ thực phu » sa đức sung ghi tên gọi là Bảo đại-dịch-công đồng pháo và hiệp công và ở nhà Võ miếu 1 1 1 1

Tháng chín, vua Thiệu-Trị thăng bà, đặt ông làm phụ chính đại thần. Đức Tự-Đức mới nối ngôi, thì ông gặp phải tang cha, xin về đình gian. Nhà vua dụ rằng: « Nghe tin ông thân bệnh mất trăm lạy làm thương tiếc, nhưng trăm mới lên ngôi, khanh thì làm phụ chính, không nên thiếu mặt ở triều. Vậy nay trăm ban cho tiền kho 200 quan, gấm vóc, hàng, lụa, các tang để lo tang sự cho ông thầy khanh, trăm sẽ sai quan về tử tế, còn khanh cho phép được đoạt tước ở lại để yên lòng trấn. » Năm ấy trong Kinh-dô và ngoài các tỉnh đều bị đại hạn, ông dâng sớ xin chịu tội,

Năm Tự-Đức thứ 2 (1849) ở Kinh-thành và các tỉnh bị dịch chết nhiều lắm. Ông cùng các ông Trương Đăng Quế Phan thanh - Gân dâng sớ nói 6 điều như xin tha bớt tình ngục, hoãn việc binh thuế và cấp cấp cho nhân dân. Nhà vua đều y theo cả.

Năm Tự-Đức thứ ba (1850), vua Tự-Đức phê cải tên cho ông là Nguyễn tri Phương sung K âm sai tổng thống Nam-kỳ quân vụ đại thần, kèm liêm các tỉnh Gia định, Biên-hòa, Vĩnh-long, Vĩnh-tướng, An-giang, Ha-tiên. Lúc sắp đi, đức Tự-Đức lại dặn ông vào đó phải làm việc hưng lợi trừ hại, tẩy sạch các điều lại tệ và vỗ yên nhân dân. Ông vào đến nơi, dâng sớ về xin làm đồn điền cho dân được nhờ, đặt điểm canh cho yên dân, tha thuế đồ, thuế chợ tất cả 13 khoản. Vua đều y cả. Nhân có công, được thăng 2 cấp.

Năm Tự-Đức thứ tư (1851), ông lại cùng ông Phan thanh-Gân dâng

sớ tâu vua xin bớt sự chơi bời, tăng năng việc chính trị, chuộng đều tiết kiệm, bớt kẻ gạn thâu, phải cần thận dùng người, tỉnh giảm công việc cho nhân dân, thêm bổng hưởng cho quan lại, tất cả 8 việc. Vua Tự-Đức phán rằng: « các bầy tôi trung ái với vua, biết có điều gì hay, khi thông thả, sẽ về tâu cù. g vua. » Nhận thế, ông xin về chiêm rận, vua lại phán rằng: « Nam-kỳ còn nhiều việc, khanh tua gắng lo liệu đã, chờ khi nào công việc xong, trấn sẽ triệu về, cũng không muộn gì. »

Năm Tự-Đức thứ 6 (1853), được thăng thụ Đông-các Đại-học-sĩ, nhưng ông xin từ, vì tự xét không có công trạng gì lớn. Vua không cho

Lúc ấy thổ dân ở Cao-man về đầu, ngụ đồn Thông-bình (thuộc tỉnh Vĩnh-tướng) nhiều lắm, quan Tuần-phủ là Nguyễn định Tân dâng sớ tâu rằng: « Thông-bình liên ngay cõi giặc, là một nơi yếu hiểm, nay cho dân Cao-man ở nhiều nó dóm ngó rồi sinh chuyện. » Vua hỏi ý kiến ông, ông tâu rằng: « Dân Cao-mao cũng là thuộc quốc của mình, dân mình lên Cao-man thì không việc gì, bây giờ dân nó đến ở nhờ nước mình, mà mình lại ngăn không cho ở, như thế là bụng mình hẹp hòi lắm; nghĩ nên cho nó ở dè rõ rệt cái lòng rộng rãi của Triều đình. » Vua nghe theo.

Năm ấy xét ông ở ngoài đã lâu, nhiều công khó nhọc, thường cho một mặt kim - khánh có khắc bốn chữ « liêm, bình, cần, cán. »

Lúc ấy, việc đồn điền trong Nam-kỳ, các quan trong sáu tỉnh, có sớ chạy về nói là không tiện, đức Tự-

Đức phản hồi ông phải xét lại, ông làm sớ điều-trần, có 4 đoạn sau đây:

« ... Xứ Nam-kỳ đất liền với xứ Cao-man, dân hàng sớm ở tốt tàn, Nay trừ phi làm đồn điền để chiêu mộ lầy họ dạy việc khai khẩn thì, những dân sẵn có ruộng nương làm ăn mới ở yên. Vả lại khai khẩn đất hoang là cốt mưu lợi để nuôi dưỡng dân cư nữa. Hiện nay trong Nam-kỳ ở sở đồn điền đã lập được 21 cơ, hơn 100 làng. Sự chia ra từng phe (?) ở mà canh khẩn kết liên lại thành những làng xóm, dân sự sẽ vui mà an cư lạc nghiệp.

Việc đồn điền này rất lợi cho dân; Duy chỉ có bọn đàn anh khó nhọc là không bằng lòng, hay phao tin đồn nhảm. Các quan địa phương nghe nhời kẻ dưới mà tâu man. Xin bề hạ xướng dụ cho các quan trong sáu tỉnh: Tổng đốc, Tuần phủ, Bố-chính, Án sát, tri phủ, tri huyện phải thời thường qua lại xem xét tình hình, hễ kẻ nào lừa dối nhảm thì trừng phạt. Làm như vậy không dứa, nào giám ăn chơi, mà bỏ trễ công việc làm ruộng, trộm cướp sẽ bớt đi, địa lợi sẽ mở mang ra được, dân sự sẽ trở nên giàu thịnh...

Sớ ấy tâu lên, vua Tự-Đức ưng chuẩn nhưng lại dụ ông phải định điều lệ để việc thường phạt.

(Còn nữa)

TIEN-ĐAM

Việt-nam văn-học sử

(Tiếp theo trang 5)

Vũ-danh-Sở, rộng xem kinh lịch, lễ-tiếng văn chương.

Ng. khắc Khoan có tiếng văn-học đều theo vua Gia-long sở bổ bản hàm (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 3a-4a).

Trương-minh-Thành, đỗ khoa 1791, bổ huân-đạo liên thăng công-sĩ-viện.

Hoàng-ngọc-Uân, đỗ khoa 1791, bổ Quốc tử giám-thi-học (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 7a 8a).

Nguyễn hoài Quỳnh, lúc nhỏ chịu khó học gặp loạn, ở ẩn dạy học-trò ứng thí khoa 1791 trúng-sách bổ phủ lễ sinh (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 9b 11b).

Lê-công-Xuân, có tiếng học hạnh sở bổ hàn-lâm viện-trưởng (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 11b).

Nguyễn-duy Hòa, lúc nhỏ chịu khó học, gặp loạn, vào Nam, gặp Nguyễn-văn-Thành tiến cử chúa Nguyễn (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 11b 14a).

Nguyễn-văn Lễ, trúng cách khoa 1791, bổ công-sĩ viện (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 15a).

Nguyễn-quang Diết, có học hạnh, gặp loạn, ở ẩn dạy học-sau theo vua Gia-long (Đ. n. l. tr., q. 19, tờ 15a-b).

Phạm-quang-Triệt, bổ công-sĩ viện năm 1791; Lê-đạt-Nghĩa, nhà nghèo ham học, năm 1791 vào Nam yết kiến Chúa Nguyễn; hai người đều được trọng-dùng (Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 1b 2b).

Trần-quang-Tĩnh năm 1788, bổ hàn-lâm viện-trưởng (Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 5a-b).

Nguyễn-công-Tiếp là người thuộc hiền cố biết lệ-luật, bổ làm bộ Sĩ-hoạn-qu-tri, 6 quyển (Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 6a-7a).

Trần-công-Đàn và Nguyễn-xuân-Tĩnh sơ bổ thi-học và hàn-lâm, sau làm đến tham-tri (Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 7a 8a).

Ngô-Vị, có tiếng văn-học, vua Gia-long triệu bổ hàn-lâm (Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 9b 10a).

Lý-gia Du tức Lý bình-Đạo, đỗ hương-cống-nhà Lê, đời Gia-long được giám đốc sở đức-tiền ở Bắc-thành, có sở-tầu vẽ việc đức-tiền (Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 11a-b).

Lại có những đồ-thảo nổi tiếng mà cũng có văn-chương, như Nguyễn-văn-Thành là người xem đọc sách thư của Gia-long từ khi còn làm chúa, đến khi vua Gia-long đại định Nguyễn-văn-Thành làm tổng-trấn Bắc-thành, mấy lần điều trần-đều có việc mở khoa thi dùng hiền tài, khi ở sử-quán có làm hai bộ sách là Vũ-bị-chí và Tứ-di-loại-chí dễ dàng, lại cùng học Vũ-Trinh làm hai mươi quyển luật lệ (Đ. n. l. tr., q. 21, tờ 1a-29a). — Đặng-Trần-Thường học rộng có tài giỏi sinh tử đời Lê-mạt, theo vua Gia-long làm đến đồng-lý Bắc-thành (Đ. n. l. tr., q. 27, tờ 13a đến 21b).

Những vào-thần nhà Lê ra làm với nhà Nguyễn, như Vũ-Trinh (đã nói trên), — Nguyễn-duy Hạp tiến sĩ khoa 1772, vua Gia-long vời cho làm hiệp-trấn kinh-bắc — Lê-duy Đản tiến sĩ khoa 1775 vua Gia-long vời cho làm hiệp-trấn Lạng-sơn, — Lê-huy-Trám nhị giáp-tiến-sĩ khoa 1779, vua Gia-long vời cho làm đốc-học Kinh-bắc kiêm Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bắc — Ngô-Tiến, tiến-sĩ khoa 1779 vua Gia-long vời cho làm đốc-học Sơn-tây, kiêm Hưng-hóa, Tuyên-quang, — Nguyễn đình Tứ tiến sĩ khoa 1785, vua Gia-

long vời làm đốc-học Phụng-thị, dần dần làm đến hiệp-trấn, — Nguyễn-Đường, tiến-sĩ khoa 1779 làm quan đến hiến-sát, chủ châu đông thâu; Lê-mạt, Đường ở ẩn dạy học-trò, vua Gia-long vời làm đốc-học Sơn-nam, thượng, sau vời về làm toát-tư sử-quán, — Phạm-quý Thích, tiến-sĩ khoa 1779, vua Gia-long vời cho làm tại-trung học-sĩ, có chép Lập-trai-thi tập lưu hành; — Vũ-dinh-Tổ tiến-sĩ khoa 1787, vua Gia-long vời làm đốc-học Hải-dương kiêm Quảng-yên, — Nguyễn-huy Thăng tức Nguyễn-Kiểm tiến sĩ khoa 1779 vua Gia-long vời làm đốc-học Sơn-nam-tây, — Nguyễn-Viên học rộng, có khí tiết, đỗ giải-nghuyên đời Lê, nhà Lê-mạt, Viên muốn vào Gia-định, nhưng đi không tới nơi, năm 1801 Trương công-Vỹ phụng mệnh chiêu dụ Bắc-bắc hào kiệt, Viên được Vỹ tiến cử, vua Gia-long trọng người học-thuật cho ở luôn tả hữu, năm 1802, vua Gia-long đại định cho viên hàm tể-chánh-điện học-sĩ, kiêm thái-thường tự-khánh, Viên viện lễ từ chối không được, những tờ truyện công-đồng nói về điều lệ hương-ân trong đời Gia-long đều do Nguyễn-Viên thảo ra, (xem Đ. n. l. tr., q. 20, tờ 12a đến 23).

Cứ như thế, không thể báo « các-trưng-tá » đời đức Nguyễn Ánh & k người biết chữ nên phải dùng nôm cho tiện.

Vậy thì từ chữ « coi có lời » đến chữ « cho liệp » in ở trang 69 quyển Việt-nam văn-học sử gần, kỹ tái bản, ông Hàm nên bỏ đi (Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

NHỮNG TRUYỀN VÊ-VANG TRONG SỬ ĐẠI-VIỆT

SỐ 2

Ưng-hoà NGUYỄN-VAN-TO

Lê Lâm theo vua Lê-Lợi đánh giặc Táp, có công. Năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên (1428) có chiếu cho những người có công siêng-lắng khổ nhọc ở Lũng-nhai được chọn vào quân thiết-đội, tại Lê Lâm được dự hạng ba, phong làm trung-luật-gi. đại-phu, sau kiêm vệ-tướng-quân, tước thượng-trí-tự. Spy-trung đồng được hiệp-mưu bảo-chính công-thần (Khâm-định Việt-sử, q. 15, tờ 3a chép).

« Trung-lượng đại-phu phụng-thần-ệ tướng-quân, tước đại-trí tự là bậc nfi; Trung vũ đại-phu kiêm vệ-tướng-quân, tước-trí tự là bậc ba », so với Đại-Việt thông-sử thì hơi khác, vì hạng ba thì phong Trung-vũ chứ không phải trung-lượng tước trí tự, chứ không phải thượng trí). Đến năm thứ ba hiệu Thuận-thiên (1430) Lê-Lâm làm tiên-phong đi đánh Ai-lao, đuổi giặc, đến động Hồng-di, bị trúng mũi tên có thuốc độc rồi mất, truy tặng thiếu-tý. Năm thứ nhất hiệu Quang-thuận (1460), vì còn là Lê-Niệm có công định-sách (tức là việc tâu vua Lê Thái-tông) được gia tặng đô-đốc, năm thứ mười làm hiệu Hồng-đốc (1484) truy tặng Trung-lễ hầu, gia tặng thái-ủy Trung-quốc-công, thụy là Qai-vũ. Lê có ba con trai, là Tích, Tung, Dũng, đều có công được phong hầu. Tích sinh Đạc, Đạc sinh ba con trai, là Lập, Hạp, Qay, đều

tập tước. Còn Lê-Lâm thì sinh ra Lê-Niệm.

« Lê-Niệm là người thông-minh từ nhỏ, khi độ lớn người, văn võ đủ cả, nhà nghèo, quán ở xã Duy-tĩnh, huyện Thuấn-hữu. Năm thứ sáu hiệu Thiên bình (1439) đỗ kien tập làm đởng. làm cấp thị Chánh-chương. Năm thứ tư hiệu Thái-tả (1446) thăng Thiêm-tri nội-thể. viện-sự, theo Lê Tụ đi đánh Chiêm Thành làm chức lý-lục; khi quân về, thăng chức Đồng-tri. Năm thứ bảy hiệu Thái-hòa (1449) lại thăng chức an-phủ phó sử Tây-đạo, dần dần thăng chức tuyên-ủy đại-sứ trấn An-bang. Năm Kỷ-mão (1459) Lạng-sơn-vương là Nghi-Dân thất-nghịch; lúc ấy Lê-Niệm làm Xa-kỵ-ty đồng-tổng-trì chư-quân sự-vệ, Lê-Niệm cùng với đại-thần là Lê-Lãng, Nguyễn-Xi, Đinh-Liệt họp mưu đem cấm-binh dẹp nội-tặc, giết nghịch-quang là bọn Phạm-Đôn, Phan-Ban, truất Nghi-Dân, đón Thái-tông lên ngôi. Ngày 26 tháng 6 năm thứ nhất hiệu Quang-thuận (1460) bàn công định-thượng; Lê-Niệm được phong làm Spy-trung bảo-chính công-thần, Tấn-an trấn Phủ-quân thượng-tướng-quân, được tấn phong Nhập-nội-tý-mã, tham dự triều-chính, coi các quân ngự-tiền, ban cho Kim-ngư-dại-ngân-phủ, tước đình-thượng-hầu, cho quốc-tính. Dần dần thăng đến thái-bảo, phong tước Kỳ-sơn hầu. Tháng mười năm ấy bàn công định-sách, phong các công-thần, Lê-Niệm gia

thăng Kỳ-quận-công, cấp cho hai trăm mẫu ruộng, thế-nghiep năm thứ hạ hiệu Quang-thuận (1462) gia tước Nhập-nội-dô-đốc, đồng bình-chương sự, coi các vệ quân Đông-đạo, kiêm sung chức Quốc-tử-giám-tế-tửu. Rồi phụng mệnh làm đề-diệu Quốc-tử-giám. Lúc ấy có con Nguyễn-Xi là Nguyễn-Sử-Hội làm đô-đốc, lĩnh giáo hiệma, làm thư nặc danh, vút ngoài đường sai người lưu truyền trong kinh, định đề hãm hại Lê-Niệm và Nguyễn-Lai nhưng thư ấy chưa kịp lưu truyền mà việc giặc đã tốt lộ, các quan xin làm tội Nguyễn-Sử-Hội. Vua Thái-tông nghĩ rằng cha Sử-Hội là Nguyễn-Xi có công cao, nên không rõ làm tội, chỉ ban sắc yên-ủy. Lê-Niệm và Nguyễn-Lai. Năm thứ tư hiệu Quang-thuận (1463) Lê-Niệm được làm quan đề-diệu thị-hội. Năm thứ tám (1467) vua ngự Tây-kinh (Thanh-hóa) Lê-Niệm được làm Đông-Kinh lưu-thứ (tức là giữ thành Thăng-long thay vua), lên thăng Bình-chương-quân-quốc-trọng-sử. Năm thứ chín (1468) theo vua vào Tây-kinh. Năm thứ nhất hiệu Hồng-đức (1470) vua đi đánh Chiêm-thạch: Lê-Niệm sung chức Trình-lễ phó-tướng-quân cùng với Đinh-Liệt đốc thủy-binh tiến lên trước; năm 1471, họ được thành Đồ-bàn (tức chà-bàn) bắt được Trà-Toàn. Khi quân trở

Tải liệu đề đình chính những bản văn cổ

Số 82

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TO

CXXXV. — Kim-Vân-Kiều (bản nổi)

Câu « Lãm - dãm : kãm - khũa nỏ to Sup ngồi và (vài) gặt trước mở bước ra » bản quốc ngữ mới (của ông Vĩnh, do Thư-lã Đắc lý xuất bản năm 1942, tr 26) chép là « Sup ngồi đặt ở trước mở bước ra » và chưa chú ý « ở ban cò nhất, do Âu Kinh Thi : sinh xó nhất thức », nghĩa là một năm cò ăn, và cho ngĩa rằng lúc đám ma có lệ để năm cò ở trước mở bước ra vào cũng hay là có ngĩa để thay nên hương về ngĩa để thay nên hương bên b'n chữ nhỏ đã có ở « Kiêu tất t ở vi hương, thảo thân từ bài », nghĩa là « Kiêu vượt đát lăm hương » (ta kếm một vai nên hương), cái minh hôn lại (sup ngồi va gặt) : như thế thì không phải dù g chữ « đặt cò » nữa, mà chữ « và gặt » mới đúng bên bản chữ nhỏ là chữ « từ bài ». Còn tục đồ rượu lên cò thì hiện nay ở hương thôn này còn theo Chu-công Gia-lễ và Thọ-mai tế bố mẹ có lệ đồ rượu lên trên đám cỏ. Thế thì không hợp vào cảnh Kiêu viếng Đạm tiên ; và lại phải có rượu nữa mới thành lễ : « gặp-gỡ giữa đường », hương đã không cò, làm gì có rượu ?

— Các bản đều viết : « Lại càng mê-mẩn tâm thần, Lại

càng đứng lẳng tần-ngần chẳng ra », duy kinh bản chép : « Lại càng đứng sững tần-ngần chưa ra ».

— Câu ở Văn rằng : Chử cũng nức cười ; Kéo dư nước mắt khóc người đời xưa » kinh bản chép là « khớ người cớ-sơ », tưởng thế mới đúng vì liên câu ấy có câu « Rằng : Hồng-nhan tự thuở xưa » ; không báo giờ hai văn lại trùng nhau như thế.

— Các bản đều viết : « Phong-tư tái mạo rớt vôi, Vào trong phong-nhã ra vào, hào-hoa ». Bản quốc-ngữ (tr. 37) chép là « tuyết vôi », xem ra không hay bằng chữ « tốt vôi ».

— Các bản đều viết : « Nước non các mây buồng đào, Nùng là trộm dấu thăm yêu chốc-mòng », Bản quốc ngữ (tr. 38) chép là « buồng thêu » và dẫn câu « Thiên hương-dữ hồng-khê, Tương cận chỉ xích nã-dầu nhữộc hà sọ », nghĩa là hương trời cùng chốn hồng-khê (buồng the của đàn bà), gần nhau gang thước mà xa như sông nũ. Vì chữ « hồng-khê » (nghĩa đen là buồng đỏ) nên đặt là « buồng đào ». Chữ « buồng thêu » cũng có nghĩa là chỗ đàn bà

con gái, nhưng không dùng chữ dịch.

— Quốc-ngữ (tr 39), phương bản và mấy bản nôm khác đều viết : « May thay giải câu tương phùng. Gặp tuần đồ là thỏa lòng tìm-vua ». Chữ « đồ là » ấy các bản đều đều là lỗi chơi của trẻ con. Duy kinh-bản chép là « đồ là » và dẫn chữ « đồ là » do câu « hồng điệp thị lương môi » : là đồ tức là người mới tốt.

— Câu « Dưới cầu nước chảy tro g veo » có bản chép là « Dưới dòng » cũng được. Đến câu liên dấy, thường viết là « Bên cầu lơ liễu bóng chiều thướt-tha ». Duy kinh-bản chép là « bóng chiều la-tha », có lẽ phải hơn, vì « thướt-tha » là bóng người, chứ không phải bóng nắng buổi chiều. Kim-Vân-Kiều chú (bản soạn của Trương Bá - cổ, số A B 233, tờ 19, b) chép là « Dưới khe nước chảy trong veo, Bên cầu lục liễu bóng chiều đã ra ».

— Các bản đều viết : « Gương Nga chênh-chếch dóm song, Vàng gieo ngăn nước, cây lồng bóng sân ». Duy kinh-bản chép là « Mảnh trăng chênh-chếch dóm song, Vàng gieo đầy nước, cây lồng bóng sân », và chưa

Sắp in

ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

(Cuộc vận động khoảng 1907-1908 của các nhà chí sĩ)

Tác-giả HOA BẢNG

câu 1y « bắt-chước Hoa-tiên » ở câu: Vầng trăng vằng-vặc song sa, Bóng cây về biếc màu hoa đơn thêm ». Chữ « gương Nga » và « mảnh trăng » cùng nghĩa là mặt trăng, nhưng câu này dùng chữ « mảnh trăng » thì phải hơn, vì dưới có chữ « chênh-chéch », nên dùng chữ « mảnh », tức là trăng thiếu. Còn chữ « gương », tức là trăng tròn, thì xuống chữ « chênh » không đúng.

— Câu « Hải-đường là ngọn đông-lân, Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà », kinh-bản chép là « rã ngọn đông lân », tưởng cũng có nghĩa, vì « rã » là rời-rã, mà các bản chú-thích đều đưa câu ấy do câu « Hải đường thụ vị-túc đa », nghĩa là hoa hải-đường ngủ chưa đủ ư? Câu này Đường Minh-hoàng hỏi Quý phi. Lúc ngái ngủ thì người rời rã.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYEN-VĂN-TỔ

Báo mới

— Việt Nam tân báo — báo ra hàng ngày ở Huế. Số 1 ra 21-3-1945 — Giá 0\$10.

— Duy nhất — ra ngày thứ bảy — tòa báo 25 Đường Bôn-Bê — Nam Định — mỗi số một đồng,

Xin giới thiệu với các bạn hay tờ báo mới và thành thực chúc các bạn đồng nghiệp thăng tiến trên con đường ngôn luận.

TRI TÂN

Số sau 185-186 ra ngày mùng 10 tháng 5-1945 sẽ là Đặc-San về :

VIỆT - NAM GIẢI - PHÓNG

- Ứng-hoà Nguyễn-văn-Tổ sẽ trình bày công cuộc gây nền độc-lập qua các triều đại với những tài liệu chắc chắn và chưa hề ai dịch ra quốc văn.
- Tiên-Đàm và Trúc-Khê sẽ hiến các bạn những điều mắt thấy tai nghe trong thời Pháp đô hộ.
- Hoa-Bảng sẽ lần lượt kể rõ ràng những cuộc quật khởi từ khi Pháp thuộc và những câu đối rất hay về việc Hoàng-Diệu tử trung.
- Phạm-mạnh Phan sẽ tặng các bạn nhưng chương trình hành động của Việt-Nam quốc-dân-dảng cùng những bài ca cách-mệnh trong một cuộc phỏng vấn đầy đủ và công phu.
- Cách-Chi Nguyễn-Phường sẽ bàn cùng các bạn một công cuộc kiến thiết cho tổ quốc mà nói về việc học độc-lập.
- Khái-Sinh sẽ nhân cuộc Việt-nam giải phóng, mà bàn về việc dụng nhân hành chính.

NGOÀI RA CÒN NHIỀU BÀI KHÁC
VIẾT RẤT CÔNG PHU CỦA CÁC
VĂN HỮU QUÊN BIẾT NHƯ
Ngân - Giang, Hoàng-thiếu-Sơn, Song-Cối,
Lê Thuởc, Long - Điện v.v., v.v.

DÀY 40 TRANG GIÁ 3\$00

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Cư

« Khiêu nhân lũng An-Tư công-chúa
vua Thoát-Hoan, đặc thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Số 29

Dạng lúc bắt phân thắng phụ, người nổi lênh bênh trên mặt nước và máu đỏ loang sông, thì viện binh Ô Mã Nhi tới. Quân Nguyên càng thêm hùng, quân ta cũng chẳng kém, bảo nhau:

— Thách cả Ô Mã Nhi, chúng ta khôn cần, anh em cứ vững tâm.

Ô Mã Nhi sẵn lại đánh Chiêu Thành vương, mười tướng xúm lại mà sợ, thấy đều loạng choạng, rúi cả xuống. Mã Nhi thực có một sức khỏe thiên thần, đang lạng máu nó càng hung mãnh,

Tướng sĩ vầu cựa lặn xả vào chông Ô Mã Nhi dè Triệu tiệp sinh đánh Toa Đô. Nếu không có tiên sinh, thì thế trận của ta đã vỡ từ ban giờ. Toa Đô thực là vô địch. Đường lúc quân ta có phần nung nổ, thì tiếng chiêng trống vang lừng nổi lên: Chiêu văn vương và Nguyễn Khoái dẫn đại binh, lên, đi một ngành sông khác đánh vào sườn quân Toa Đô. Thuyền tướng quân Nguyễn Khoái, đi nhanh như gió. Đứng trước mũi thuyền, Nguyễn Khoái nói to:

— Anh em cứ vững tâm đánh

đi, giặc mắc mưu, vương gia rồi. Khoái dẫn đây thì trăm Ô Mã Nhi cũng không đáng sợ.

Thấy Chiêu văn vương, quân sĩ đã nức lòng, lại thấy có Nguyễn Khoái, mọi người lại càng vững. Quân ta reo vang lòng:

— Tướng quân Nguyễn Khoái, mau dõa đây đánh Ô Mã Nhi giúp anh em, không có thì hỏng cả!

Chỉ một nháy mắt, thuyền Nguyễn Khoái đã lặn với thuyền giặc. Biết Nguyễn Khoái là tướng giỏi, Mã Nhi không dám luyện chiến với những người khác, xoay ra đánh với Nguyễn Khoái. Chiêu văn vương đứng trước mũi thuyền thúc trống. Các tướng sĩ như thêm sức, và những người đã một khoảnh bỗng thấy mình khác lại. Thuyền nhà và thuyền giặc lộn nhau, có khi thuyền nhà quân giặc dứng, có khi quân ta dứng trên thuyền giặc, hết đâm chém, đến giằng cờ nhau mất gươm mất giáo, hay cầm mũi trụ phang nhau, hay vật lộn nhau trên mạn thuyền; ngã lộn cả xuống sông mà còn không bỏ nhau ra, cào cào

nhau, cho dĩa, khi cả đôi cùng chìm lặn xuống dưới nước. Dĩa quân cũng như quân Triều đình, đánh cũng không kém. Có người cả cụt một cánh tay, ngã vật xuống nước, còn một tay vẫn cố bơi đến thuyền giặc, nguyền rủa chuyền liết sức bình sinh. Lôi cả chiếc thuyền, tuy không làm đắm được, nhưng cũng làm chòng chành khiến cho quân giặc loạng choạng, gờ tay không lập bị quân ta giết chết.

Lại vừa may, Ô Mã Nhi hụt chân bị Nguyễn Khoái đánh ngã vật vào trong khoang thuyền. Khoái định nhả sang Nương Toa Đô đã rõ cơ nguy, đánh bỏ Triệu Trung xông ra cứu Nguyễn Khoái. Triệu tiệp sinh thừa cơ, vẫy lá cờ lệnh, hô quân tiến sang, Trần giặc vỡ hẫng và chiến thuyền của ta ầm ầm kéo sang, quân Nguyên không còn chống đỡ gì. Chúng kêu khóc như ri. Quân ta khi ấy hung hơn quân Mông cổ. Giặc cũng đương nhẩy cả xuống sông, lóp ngóp chạy lên bờ. Chỉ ân hận rằng dè Toa Đô và Ô Mã Nhi chôn thoát và cứu được nhiều chiến thuyền đi. Khi quân giặc đã chạy xa, quân quân tra gươm vào võ trống thấy ánh nước đỏ ngầu, anh em nhìn lên trời, mới biết trăng đã mọc từ lâu. Nhìn nham ai nấy bắt he những máu, quần áo rả rượi. Nhưng vui không biết thế nào kể được. Người nhay như bay được lên tới chín tầng mây, ai cũng muốn báo ngay cho Triều đình biết tin mừng. Bấy giờ là đêm, ai cũng không ai muốn bỏ khúc sông ấy. Lòng say sưa đến nỗi không biết

nghĩ đến việc đi tìm gọi, thay quần áo và rửa đồ binh.

Chiêu văn vương điếm tướng sĩ, thiệt mất hơn vạn người, nhưng số lượng số giặc chết và bị bắt có hơn ba vạn. Chiến thuyền bắt được hai trăm chiếc và binh khí tinh kỳ chắt đóng lên bên bờ sông, thành ba ngòi dơi. Tính ra có năm vạn người, ta đã bắt được mười vạn quân Mông cổ. Chiêu văn vương ủy mọi người. Dẫn quanh vùng đến trâu bò và rượu ra thiết quân quân. Vũ quá và mệt quá, không ai ăn được, xem ý dân gian sung sướng hơn quân quân nhiều. Ngay sáng hôm sau, Chiêu văn vương trao thư và sổ công lao tướng sĩ cho triều tướng về báo tiếp.

Vua Thiệu bảo nói

— Nghe hầu nói cũng vui, chắc sự thực còn vui hơn nhiều lắm. Hôm nay Hầu cùng trăm hầu một bữa tiệc chung, gọi là mừng một trạng trạng sĩ. Hầu không được từ, ý trăm đã quyết.

Hầu thưa :

— Quan gia ban ân, liêu tướng, lẽ nào dám từ. Chỉ nghĩ tiêu tướng, đã không có công trạng gì, lại cướp cả công lao của anh em ngoài mặt trận, thực không phải nhỡ.

— Cái đó không hề gì. Trăm biết cả rồi. Tin của hầu đem về cũng đã đáng thưởng rồi.

Hoàng văn hầu tạ. Vua lại nói Hạng Đạo vương

— Ta đã thắng ở Hàm tử, Toa Đô đã lại, ta nên làm gì bây giờ, xin Quốc công chỉ giáo cho?

GIẢI THƯỞNG GIÁO DỤC TOÀN QUỐC CỦA HỘI TRÍ THỀ DỤC THÁI BÌNH

Hội Trí thề dục Thái Bình vừa đặt một giải thưởng để thưởng cuốn sách nào bàn được xác đáng về vấn đề giải quyết giáo dục Thanh niên, mà hội đó nêu ra như sau đây :

« So sánh các phương pháp giáo dục đồng và tây, chọn phương pháp nào thích hợp cho sự cải tạo Thanh niên hiện đại »

1.) Theo đề viết một cuốn sách bằng Quốc ngữ, dài ít nhất 300 trang giấy khổ 21 X 27.

2.) Phải là sách trước tác hay biên khảo, không nhận sách dịch.

3.) Phải viết một lối văn phổ thông để có thể làm sách phổ thông giáo dục.

4.) Sách khảo cứu thì phải liên rõ sách đã tham khảo, tên tác giả và số trang lược trích văn.

GIẢI THƯỞNG

Một giải	1.500\$
Giải khuyến khích	500\$

Thề lệ

1.) Hạn nhận sách đến 30 Septem-bre 1945.

2.) Sách được nhận thưởng, bản quyền thuộc Hội Trí thề dục, nhưng mỗi lần xuất bản tác giả được hưởng 10%. liên lãi về số sách bán được.

3.) Sách thì phải gửi bảo đảm chỗ ông Phạm Phan Côn, Hội Trưởng Hội Trí thề dục Thái Bình, trong phòng bí lớn, không được để tên thư. Tên hiệu và tên tác phải viết vào một phong bì dán kín khác.

4.) Hội Trí thề dục có quyền không phải thưởng, nên không có tác phẩm nào xhảy đing, tuy thế Hội vẫn lấy giải khuyến khích cho tác phẩm nào xem ra có giá trị nhất.

Các nhà văn dự thi có điều gì muốn hỏi thêm, xin viết thư cho ông, Trần Thiên Bảo, Hội Trí thề dục Thái Bình.

Nhân viên Hội đồng chấm thi sẽ công bố trên báo sau.

Vấn đề giáo dục Thanh niên là một vấn đề cấp bách. Ta thử chờ xem người sẽ lĩnh giải thưởng kia giải quyết vấn đề giáo dục ra sao, trong tình trạng xã hội hiện thời.

Quốc công nói :

— Quân ta mới thắng, sức lực đang hăng, quân Nguyên mới thua tất cũng chột dạ. Cứ như ý lão phu, ta nên sai một đại tướng đến bình thuyên ra bắc, khôi phục Thăng-long được rồi.

Thượng hoàng và vua mừng rỡ. Vua hỏi :

— Việc khôi phục Thăng-long không phải là việc dụng dị. Nếu một chút thì lỏng cả trận Hàm tử quan. Ta phải chọn một đại tướng có thực tài, ngỗ hầu mới đáng

nhị việc lớn ấy. Quốc công định cử ai? Hay truyền lệnh cho Chiêu văn vương đánh lên?

— Không được. Vua vương phải ở đây giữ rịt Toa Đô không cho hợp với Thoát Hoan. Việc này rất quan trọng. Nhớ ra thì hổng hết.

(còn nữa)

NGUYỄN-HUY TƯỜNG

Hộp thư

6. V. t. Yên-Pháo Nhạc Ninh Bình — Các số báo ông hỏi đến hết. Rất tiếc.

... cụ Dương Bá-Trạc

(Tiếp theo trang 7)

— Nhưng cụ ơi! Trật-tự khác với gia-cấp. Bây giờ tôi làm phụ huynh một nhà, nếu tôi bảo các con em: « Hữu sự, độ tử phục kỳ lao; hữu tửu tự, tiên sinh soạn... » (1), rồi có những miếng ngon miếng lành, tôi cứ nhem nhem ngó, ăn một miếng, mặc tử độ phải làm cực nhọc, thì tôi sẽ bị lợ cổ g kĩa mất thôi! Mà có sợ bị người ta công kích như vậy, tôi mới lo sửa mình, khi g dám buông-lung chứ?

— Sửa mình? đời nào chẳng phải sửa mình? Càng làm phụ huynh càng phải canh-cánh lo sợ hơn. Cái câu chữ nho kia chỉ là một cái chi-tiết, không nên nhận chi-tiết làm cả toàn thể. Chẳng qua ông Thánh tùy từng người mà dạy bảo đó thôi.

— Nhưng nó lưu tệ nhiều quá, nên ta mới có những câu như: « Muốn nói ngoa, làm cha mà nói », và: « làm em, ăn thêm, gánh nặng! »

Cụ Dương với giọng bi quan:

— Bây giờ họ không kiêng-nè một ai, chê-bại, công-kích lung-tung cả, thế thì những người đứng-dẫn nói rạ, còn ai nghe theo nữa?

— Vậy ra cụ muốn chuyên-chế về tư-tưởng à? Phải để cho người ta phê-bình hành-vi của mình chứ? Nếu muốn ai cũng sợ mình, không dám công-kích thì mình không tiến được! Cụ có biết tại sao về đời Xuân thu, Chiến-quốc bên Tàu, tư-tưởng được phát triển

Những truyện về văng

(Tiếp theo trang 15)

và « được bỏ đồng tri châu ». Cả câu thơ chữ nho « Ưc-trai tâm thương quang khuê tảo », dịch là « lòng Ưc-trai sáng như sao » thì thiếu nên dịch là « trên lòng Ưc-trai, sáng như sao khuê ngọc tảo », vì sao Khuê chủ về văn chương, và tảo cũng có nghĩa là văn, cả hai chữ là nói văn chương bóng bẩy.

Đây là mới xét hai truyện trên, còn những bài dưới đại khái cũng nhằm lộn như thế. Nên tôi bàn với ông Lân xem lại sách chữ nho mà đính chính, thì sẽ thành một quyển giáo khoa có giá trị.

Sóc NG.-VAN-TỔ

đến thế kỷ ai cũng có quyền công-n. chỉ-trích việc quấy của người khác, nên ai nấy phải gắng sức, phải ganh đua, thành thử tư-tưởng và học-thuật bấy giờ mới được phát-đạt như vậy.

Những lời cao luận hùng đàm của cụ Dương hãy còn văng-vẳng bên tai, thế mà ngày tháng thấm-thoát qua, nay cụ Dương đã ra người thiên cổ! Viết bài này, ngoài ý ghi lấy đôi chút dư âm của một nhà văn vừa mới qua đời, tôi còn muốn đánh dấu những ý-kiến dị-đồng của xong-phương cách nay hàng mười năm lại!

HÒA-BẮNG

1) Có lẽ thế thì con em phải chịu khó làm; có cớ mượn thì nhà thầy ăn uống.

Mấy lời tha thiết.

(Tiếp theo trang 3)

Nếu các ngài làm được như thế, thì không những quốc dân sẽ quên những cái ác trước của các ngài, mà lại còn biết ơn đến cái điều-thiện này mà các ngài đã làm, mà lại còn phục các ngài về chỗ tri quá vật dạn cõi nư.

Ngu này vì quốc dân mà cũng vì các ngài, bày một chước mọn này, dám thành thực tha thiết mong các ngài chơng-chống đem ra thực hành, như thế thì dân ta, nước ta may mắn biết bao!

Được như thế thì thực nước Đại-Việt ta đã đến ngày hưng thịnh, và đủ tỏ ra cho các lân bang biết rằng tinh nghĩa quốc gia của ta bền chặt lắm lắm, mà tất cả các phần tử quốc dân ta đều xứng đáng với nền độc lập, đáng gây dựng bấy giờ.

Đip này là một dip độc nhất, cho các ngài đề chước tội với quốc dân, mong các ngài đừng đề nhớ, kéo đến lúc hối lại không kịp nữa.

Noog lắm thay!

NAM-HẢI cư sĩ

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Dương

2\$00 một vé